

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 81/2018/DS-ST

Ngày: 18 – 6 – 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Hồng

Bà Trương Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Hoàng T, sinh năm: 1970.

Bà Đặng Thị Y, sinh năm: 1970

Địa chỉ: ấp 2, xã L, thị xã L1, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hải T2, sinh năm 1965.

Bà Ngô Thị H

Địa chỉ: ấp 1, xã L, thị xã L1, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Nguyễn Thị M.

Địa chỉ: ấp 1, xã L, thị xã L1, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Hoàng T, Đặng Thị Y trình bày:

Vào ngày 17/12//2015 (âm lịch) tức ngày 26/01/2016 (dương lịch) Võ Hoàng T, Đặng Thị Y có cho vợ chồng ông Nguyễn Hải T2, bà Ngô Thị H vay số tiền 7.500.000 đồng, khi vay thỏa thuận lãi suất 5%/tháng và không có làm biên nhận. Từ khi vay đến nay vợ chồng ông Nguyễn Hải T2, bà Ngô Thị H không trả lãi nên ông Võ Hoàng T và bà Đặng Thị Y yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Hải T2 và bà Ngô Thị H trả lại số tiền đã vay là 7.500.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn Nguyễn Hải T2 có lời khai trình bày: Bà Ngô Thị H có vay của vợ chồng ông Võ Hoàng T, bà Đặng Thị Y số tiền 7.500.000 đồng. Khi vay vợ chồng còn sống chung nhưng Nguyễn Hải T2 đi làm thuê ở Phú Quốc nên không hay biết. Nay vợ chồng ông Võ Hoàng T, bà Đặng Thị Y yêu cầu ông Nguyễn Hải T2 cùng với bà Ngô Thị H trả số tiền đã vay thì ông Nguyễn Hải T2 không đồng ý.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Ngô Thị H để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn Ngô Thị H cũng như bị đơn Ngô Thị H không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể khi Tòa án triệu tập để tham dự phiên họp, phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 7.500.000 đồng và chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, căn cứ Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Hải T2 và Ngô Thị H, người làm chứng Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Nội dung vụ án: Vợ chồng ông Võ Hoàng T và bà Đặng Thị Y có cho vợ chồng ông Nguyễn Hải T2 và bà Ngô Thị H vay số tiền 7.500.000 đồng nhưng không có làm biên nhận mà chỉ giao kết hợp đồng bằng lời nói và thỏa thuận lãi suất 5%/tháng là phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Hải T2 và bà Nguyễn Thị M nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định việc vay tiền là có thật. Nhưng ông Nguyễn Hải T2 không đồng ý trả vì ông Nguyễn Hải T2 cho rằng việc bà Ngô Thị H vay tiền thì ông Nguyễn Hải T2 không biết nhưng ông Nguyễn Hải T2 cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc vay tài sản của bà Ngô Thị H thực hiện không vì nhu cầu của gia đình. Căn cứ vào Điều 27, Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì ông Nguyễn Hải T2 có trách nhiệm liên đới cùng với bà Ngô Thị H trả số tiền vay 7.500.000 đồng cho vợ chồng ông Võ Hoàng T và bà Đặng Thị Y. Xét thấy, hợp đồng vay tiền của nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền 7.500.000 đồng thì phải có nghĩa vụ trả tiền vay cho nguyên đơn. Tuy nhiên, tại thời điểm giao kết hợp đồng thì hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn và bị đơn được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự 2005 nhưng tại thời điểm phát sinh tranh chấp, xét xử Bộ luật dân sự năm 2005 đã hết hiệu lực và Bộ luật dân sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật, căn cứ vào điểm c Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn vẫn được điều chỉnh bởi Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về tiền lãi, giữa ông Võ Hoàng T, bà Đặng Thị Y và bà Ngô Thị H

thỏa thuận lãi suất vay là 5%/tháng nhưng Võ Hoàng T, bà Đặng Thị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 7.500.000 đồng và bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Nguyễn Hải T2 và Ngô Thị H phải chịu là 5% án phí giá ngạch trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 7.500.000 đồng $\times 5\% = 375.000$ đồng. Như vậy, số tiền án phí mà bị đơn Nguyễn Hải T2 và Ngô Thị H phải chịu là 375.000 đồng. Nguyên đơn ông Võ Hoàng T, bà Đặng Thị Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0015455 phiếu lập ngày 27/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Hoàng T và bà Đặng Thị Y đối với bị đơn Nguyễn Hải T2 và Ngô Thị H.

Buộc bị đơn Nguyễn Hải T2 và Ngô Thị H trả cho nguyên đơn ông Võ Hoàng T và bà Đặng Thị Y số tiền 7.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Hải T2 và Ngô Thị H phải chịu 375.000 đồng. Nguyên đơn ông Võ Hoàng T, bà Đặng Thị Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0015455 phiếu lập ngày 27/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lư Trường Tây**